

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 19/6/2019

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đinh Văn Lộc, giáo viên nghỉ hưu;

2- Ông Lê Khả Hòa, nghề nghiệp: Cán bộ;

Nơi công tác: Hội nạn nhân chất độc da cam huyện Đ.

Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/HSST ngày 28/3/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. **Rơ Lan T**, sinh ngày 01/4/2002 tại huyện Đ, tỉnh G; Địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Rơ Mah K (đã chết) và bà Rơ Lan H'C (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không tốt: ngày 13/9/2018 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Ngày 28/11/2018, có hành vi cùng đồng phạm trộm cắp 01 chiếc xe mô tô của ông Nguyễn Kháng Ch tại thôn I, xã K, huyện Đ, tỉnh G; Ngày 05/01/2019, bị cáo bị thay đổi biện pháp ngăn chặn từ cấm cư trú sang tạm giam nhưng bỏ trốn. Ngày 14/01/2019, bị truy nã. Ngày 28/01/2019, bị bắt theo lệnh truy nã và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. **Rơ Châm H**, sinh năm 1999 tại huyện Đ, tỉnh G; Địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Kpuih K (sinh năm 1974) và bà Rơ Châm H'J (sinh năm 1976); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn từ cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. **Rơ Lan P**, ngày 18/5/2002 tại huyện Đ, tỉnh G; Địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Jrai; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Rơ Mah D và bà Rơ Lan H'A; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân không tốt: bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, ngày 28/01/2019, bị bắt theo lệnh truy nã và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

4. **Kpuih S**, sinh ngày 01/12/2001 tại huyện Đ, tỉnh G; Địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc Jrai; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ksor B (sinh năm 1959) và bà Kpuih HK (sinh năm 1958); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Rơ Lan T, Rơ Lan P*: bà Nguyễn Hoàng Kim Loan; *Người bào chữa cho bị cáo Kpuih S*: bà Trang Thị Thùy Dương; đều là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G (đều có mặt).

- *Bị hại*:

1) Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1990, địa chỉ: thôn T, xã D, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt);

2) Bà Vũ Thị L, sinh năm 1969, địa chỉ: tổ dân phố S, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt);

3) Anh Trần Văn B, sinh năm 1994, địa chỉ: thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt);

4) Ông Nguyễn Kháng Ch, sinh năm 1966, địa chỉ: thôn I, xã K, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1) Kpuih TH, sinh năm 2004, địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt). Đại diện hợp pháp là bà Kpuih H'C (mẹ của Kpuih TH), địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt);

2) Rơ Mah T, sinh ngày 20/7/2003, địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt). Đại diện hợp pháp là bà Rơ Mah H'Y (sinh năm 1980, mẹ của T), địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt);

3) Rơ Mah TN, sinh ngày 01/10/2003, địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (Đang chấp hành biện pháp xử hành chính đưa vào cơ sở giáo dục);

4) Siu Đ, sinh ngày 21/02/20005, địa chỉ: làng Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt);

5) Ông Kpuih K, sinh năm 1974, địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt);

6) Ông Trần Văn D, sinh năm 1969, địa chỉ: thôn M, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt);

7) Bà Rơ Mah H'B, sinh năm 1979, địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt);

8) Bà Rơ Lan H'P (sinh năm 1980) địa chỉ: làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt);

- *Người phiên dịch*: bà Nay Punh H'Ry, địa chỉ làng H, xã I, huyện Đ, tỉnh G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 26/6/2018, Rơ Châm H cùng với Rơ Lan T, Kpuih TH, sinh tháng 01/2004, Rơ Mah T, sinh ngày 20/7/2003 cùng trú tại làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G đi chơi từ làng N, xã D về thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G. Lúc này, Rơ Mah T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81U1-071.82 chở H đi trước, còn Rơ Lan T điều khiển xe mô tô BKS: 81B1-873.50, chở Kpuih TH đi sau. Khi đi đến khu vực thôn T, xã Ia D, huyện Đ, thì cả nhóm dừng xe để đi vệ sinh. Trong lúc đi vệ sinh thì H phát hiện nhà anh Nguyễn Hữu D không có cổng và không có ai xung quanh nên nảy sinh ý định vào nhà anh D để trộm cắp. Rơ Châm H đi vào sân nhà anh D và phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, BKS: 81U1 - 164.43 đang để trước nhà và không có ai trông coi. H tiến đến cầm tay lái đẩy ra bên ngoài. Lúc này, T, TH và T đang đứng ngoài cũng nhìn thấy và biết H đang thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy trên nên đã nảy sinh ý định cùng H trộm cắp chiếc xe. Khi H bắt đầu đẩy xe từ sân ra thì T đi đến giúp H đẩy chiếc xe mô tô trên ra bên ngoài đường và đi được khoảng 500m thì dừng lại. Lúc này, TH và T đi đến nơi thì H nói “ai biết mở khóa xe không?”. H nói xong thì TH tiến đến cúi xuống giật dây điện của xe. H đề nổ máy xe. Sau đó H điều khiển chiếc xe trên cùng TH, T, T đi về làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G. Đến ngày 06/8/2018 TH đem cất giấu chiếc xe trên gần khu vực nhà bà Rơ Lan H'D thuộc làng T, thị trấn C, huyện Đ thì bị lực lượng Công an phát hiện và thu giữ.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 35 ngày 20/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu đen BKS: 81U1 - 164.43 tại thời điểm tháng 6/2018 là 37.868.000 đồng.

Ngoài lần trộm cắp nêu trên thì Rơ Lan T cùng với Kpuih TH, Kpuih S, Rơ Lan P và một số đối tượng khác thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, cụ thể như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 02/5/2018, Rơ Mah TN, sinh ngày 01/10/2003 và Kpuih TH đến nhà của Kpuih S tại làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G chơi và rủ Kpuih S đi trộm cắp tài sản, S đồng ý. TN điều khiển xe mô tô BKS: 81K1-1645 chở TH và S đến khu vực lô cao su thuộc Làng L, xã I, huyện Đ, tỉnh G thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Wayec, kiểu dáng Wave, màu đen-đỏ, BKS: 52P8-6403 của bà Vũ Thị L trú tại Tổ dân phố S, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G đang đi làm rẫy và để tại đây. Cả 03 đều đồng ý lấy chiếc xe này. TN điều khiển xe chạy lên trước cách đó khoảng gần 30m. S ở lại trông xe và cảnh giới, TN và TH đi bộ đến để lấy trộm xe. Sau khi lấy được xe thì TN điều khiển xe chở TH còn S điều khiển xe mô tô BKS: 81K1-1645 đi về vườn điều thuộc Làng L, xã I, huyện Đ. Tại đây cả ba đập bỏ phần vỏ nhựa. Sau đó, chiếc xe này Kpuih S đem về sử dụng để làm phương tiện đi lại và bị thu giữ.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 45 ngày 17/10/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu Wayec, màu đỏ - đen, BKS: 52P8-6403 tại thời điểm tháng 5/2018 là 2.000.000 đồng.

Vào khoảng 20 giờ ngày 12/6/2018, Rơ Lan T điều khiển xe mô tô BKS: 81B1-873.50 đi ra thị trấn C, huyện Đ để chơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì T phát hiện 01 chiếc xe mô tô BKS: 81T1-023.79 của anh Trần Văn B đi chơi và để tại đây. T nảy sinh ý định trộm cắp, nên đã quay về làng T, thị trấn C, huyện Đ rủ Kpuih TH đi trộm cắp, TH đồng ý. T chờ TH đến nơi phát hiện xe, T đứng ngoài còn TH vào bên trong dắt xe ra. Sau đó, T dùng chân đẩy xe mà TH vừa trộm cắp được đi đến Nhà văn hóa thông tin huyện Đ. Tại đây, cả hai đập hết phần vỏ nhựa và TH giật khóa điện sau đó điều khiển về nhà tại Làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G, cả hai sử dụng xe này để làm phương tiện đi lại. Sau đó giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

- Kết luận định giá tài sản số 42; ngày 17/10/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đen, BKS: 81T1-023.79 tại thời điểm tháng 6/2018 là 8.670.000 đồng.

Vào khoảng 20 giờ ngày 28/11/2018, Rơ Lan T điều khiển xe mô tô BKS: 81B1-873.50 chờ Rơ Lan P đi chơi ở Làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G thì gặp Siu Đ, sinh ngày 21/02/2005 đang chơi tại đây. Siu Đ rủ T và P đi trộm cắp tài sản, T và P đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì T điều khiển xe mô tô BKS: 81B1-873.50 chở Đ và P đến khu vực thôn I, xã K, huyện Đ, tỉnh G thì Đ nói T dừng lại. Lúc này, Đ đi bộ đến nhà ông Nguyễn Kháng Ch, sinh năm 1966 thuộc thôn I, xã rêl, huyện Đ, tỉnh G còn P và T đứng chờ bên ngoài. Đ đi đến và dắt chiếc xe mô tô BKS: 81H3-2143 ra ngoài, đập nổ máy và chạy về Làng T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G. Sau đó, Siu Đ và Rơ Lan T mang chiếc xe trộm cắp đi bán cho anh Rơ Châm Q, sinh năm 1997 tại xã P, huyện C, tỉnh G được 1.400.000 đồng (chia nhau: T 500.000 đồng, P 500.000 đồng, Đ 400.000 đồng). Sau đó, anh Q đã giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan Công an.

- Kết luận định giá tài sản số 52; ngày 13/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu Sufat, màu nâu, BKS: BKS: 81H3-2143 tại thời điểm tháng 11/2018 là 4.500.000 đồng.

Tổng số tài sản Rơ Lan T cùng đồng phạm chiếm đoạt là 53.038.000 đồng. Riêng Rơ Lan T 03 lần tham gia trộm cắp tài sản với tổng tài sản trộm cắp là 51.038.000 đồng.

Kpuih TH, sinh tháng 01/2004; Rơ Mah TN, sinh ngày 01/10/2003; Rơ Mah T, sinh ngày 20/7/2003 và Siu Đ, sinh ngày 21/02/2005, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội sau cùng các đối tượng này đều chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Rơ Mah TN đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính là đưa vào trường giáo dưỡng. Kpuih TH và Rơ Mah T đã bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Siu Đ do chưa đủ tuổi phạt hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo đến cha mẹ và Chính quyền xã K để có biện pháp giáo dục.

Tại Bản Cáo trạng số: 04/CT- VKS ngày 26/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo Rơ Lan T về tội “Trộm cắp tài sản” theo

điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Rơ Châm H, Rơ Lan P và Kpuih S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng.

Tại phiên tòa, bị hại, bà Nguyễn Thị L khai: Ngày 02/5/2018, bà bị mất 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wayec, kiểu dáng Wave, màu đen đỏ, BKS: 52P8-6403. Hiện bà đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Đ trả lại chiếc xe này. Bà không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng. Đề nghị tuyên bố các bị cáo Rơ Lan T, Rơ Châm H, Rơ Lan P và Kpuih S phạm tội “trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 58, các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Rơ Lan T từ 24 đến 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Rơ Châm H mức án từ 9 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; 54; 58 các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Rơ Lan P mức án 4 tháng 22 ngày tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; 54; 58; các Điều 65, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Kpuih S mức án từ 4 đến 5 tháng tù, cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Do đó, không đề cập giải quyết. Đối với số tiền 1.400.000 đồng mà anh Quát đã bỏ ra để mua chiếc xe mô tô BKS: 81H3-2143 do Rơ Lan P, Rơ Lan T và Siu Định trộm cắp. Anh Quát không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về vật chứng vụ án: đề nghị chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Đ xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp cụ thể: trả lại cho Nguyễn Hữu D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, dung tích 149 cm³, BKS: 81U1-164.43; trả lại cho bà Vũ Thị L chiếc xe máy nhãn hiệu Wayec, màu S đỏ đen, BKS: 52P8-6403; trả lại cho ông Trần Văn D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, BKS: 81T1-023-79; trả lại cho ông Nguyễn Kháng Ch chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sufat, màu nâu, BKS: 81H3-2143; trả lại ông Kpuih K (bố của Rơ Châm H) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, BKS: 81U1-0718; trả lại cho bà Rơ Lan H'P chiếc xe máy nhãn hiệu Kwashaki, số loại C110, BKS: 81B1-873.50; trả lại cho bà Rơ Mah H'B chiếc xe máy nhãn hiệu Nikado, BKS: 81K1-1645.

Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo công nhận hành vi của bị cáo Rơ Lan T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ

luật hình sự năm 2015; các bị cáo Rơ Lan P và Kpuih S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Rơ Lan T, Rơ Lan P và Kpuih S đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Rơ Lan P, Kpuih S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo S phạm tội thuộc trường hợp gây hậu quả không lớn; Bị cáo H tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Hữu D 2.000.000 đồng để sửa chữa tài sản, khắc phục hậu, bị cáo T đã thuyết phục gia đình hoàn trả lại cho bị cáo H 500.000 đồng nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm bồi thường thiệt hại, khắc P hậu quả. Bị cáo T đã tự nguyện khai ra hành vi phạm tội trước đó nên hưởng tình tiết giảm nhẹ tự thú. Tất cả các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số; các bị cáo Rơ Lan P, Rơ Lan P, Kpuih S là người dưới 18 tuổi phạm tội. Những người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Rơ Lan T dưới 02 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Rơ Lan P 4 tháng 22 ngày tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 91, 98, 100 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Kpuih S 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính hợp pháp của tài liệu chứng cứ: các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến gì đối với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để nhận định các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, Kiểm sát viên thu thập, do những người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[3] Các bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu chứng

cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có căn cứ để nhận định:

Ngày 26/6/2018, Rơ Châm H cùng với Rơ Lan T, Kpuih TH, Rơ Lan T trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, BKS: 81U1-164.43 của anh Nguyễn Hữu D trị giá 37.868.000 đồng.

Ngày 02/5/2018, Kpuih TH cùng Rơ Mah TN và Kpuih S trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wayec, kiểu dáng Wave, màu đen đỏ, BKS: 52P8-6403 của bà Vũ Thị L trị giá 2.000.000 đồng.

Ngày 12/6/2018, Rơ Lan T và Kpuih TH trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ đen, BKS: 81T1-023.79 của ông Trần Văn B trị giá 8.670.000 đồng.

Ngày 28/11/2018, Rơ Lan T, Rơ Lan P và Siu Đ trộm cắp 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu SUFAT, màu nâu, BKS: 81H3-2143 của ông Nguyễn Kháng Ch trị giá 4.500.000 đồng.

Tổng số tài sản Rơ Lan T cùng đồng phạm chiếm đoạt là 53.038.000 đồng. Riêng Rơ Lan T 03 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị 51.038.000 đồng.

Kpuih TH, Rơ Mah TN, Rơ Mah T và Siu Đ tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội sau cùng các đối tượng này đều chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Rơ Mah TN đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính là đưa vào trường giáo dưỡng. Kpuih TH và Rơ Mah T đã bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Siu Đ do chưa đủ tuổi phạt hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo đến cha mẹ và chính quyền xã K để có biện pháp giáo dục.

Có đủ cơ sở để nhận định: hành vi của bị cáo Rơ Lan T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; các bị cáo Rơ Châm H, Rơ Lan P và Kpuih S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Như vậy Cáo trạng đã truy tố các bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Thấy rằng, quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác đều phải được xử lý. Các bị cáo Rơ Lan T, Rơ Châm H, Rơ Lan P và Kpuih S đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Hữu D, bà Vũ Thị L, ông Trần Văn B và ông Nguyễn Kháng Ch. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội cần được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể. Mục đích các đối tượng trộm cắp tài sản là để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân.

Bị cáo Rơ Lan T phạm tội 03 lần, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 51.038.000 đồng.

Rơ Châm H phạm tội 01 lần. Tài sản trộm cắp trị giá 37.868.000 đồng.

Rơ Lan P phạm tội 01 lần. Tài sản trộm cắp trị giá 4.500.000 đồng.

Kpuih S phạm tội 01 lần. Tài sản trộm cắp trị giá 2.000.000 đồng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Rơ Châm H, Rơ Lan P,

Kpuih S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo H tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Hữu D 2.000.000 đồng để sửa chữa tài sản, khắc phục hậu quả, bị cáo T tự nguyện hoàn trả cho bị cáo H 500.000 đồng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự (tuy nhiên, tính chất giảm nhẹ này không đáng kể); Bị cáo T đã tự nguyện khai ra hành vi phạm tội trước đó là tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Rơ Lan T phạm tội 03 lần là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Rơ Lan T, Rơ Lan P và Kpuih S là người dưới 18 tuổi phạm tội (đều trên 16 tuổi) nên cần áp dụng các quy định của người dưới 18 tuổi để giảm hình phạt cho các bị cáo này.

Về nH tH: các bị cáo Rơ Châm H, Kpuih S có nH tH tốt.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân của từng bị cáo, nguyên nhân phạm tội, khả năng nhận thức, điều kiện, hoàn cảnh của từng bị cáo, thấy rằng, bị cáo Rơ Lan T mặc dù là người dưới 18 tuổi phạm tội nhưng và có vai trò chính trong vụ án, T phạm tội 03 lần, trong đó có 01 lần rủ rê người khác phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng, phạm tội trong thời gian được cho tại ngoại, do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất so với các bị cáo khác; bị cáo Rơ Châm H là người duy nhất đủ 18 tuổi phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt là 37.868.000 đồng, cần thiết phải phạt tù đối với bị cáo T và bị cáo H mới cải tạo, giáo dục các bị cáo này thành người tốt và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Bị cáo Rơ Lan P phạm tội 01 lần, là người dưới 18 tuổi phạm tội, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn (4.500.000 đồng), bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã bị tạm giam từ ngày 28/01/2019 đến ngày 19/6/2019 (4 tháng 22 ngày) nên cần xử phạt bị cáo P mức hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam. Bị cáo Kpuih S phạm tội 01 lần, là người dưới 18 tuổi phạm tội, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn (2.000.000 đồng), có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên cần xử phạt tù, cho hưởng án treo, việc cho bị cáo S hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[6] Ông Rơ Châm Q đã mua chiếc xe mô BKS: 81H3-2143 do các bị cáo phạm tội mà có. Khi mua anh Q không biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi của anh Q không phạm tội nên không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Ông Q đã bỏ ra 1.400.000 đồng để mua chiếc xe mô tô BKS: 81H3-2143 nhưng không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về bồi thường thiệt hại.

[8] Đối với 1.400.000 đồng là tiền do Rơ Lan T, Rơ Lan P, Siu Đ phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, cụ thể, truy thu của bị cáo Rơ Mah T 500.000 đồng, bị cáo Rơ Lan P 500.000 đồng, Siu Đ 400.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Đ xử lý đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

[10] Về án phí: Cần buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Rơ Lan T “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; các bị cáo Rơ Châm H, Rơ Lan P và Kpuih S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Rơ Lan T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Rơ Lan T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 54, 58, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt Rơ Lan P 4 (bốn) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả tự do cho bị cáo Rơ Lan P ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt Rơ Châm H 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 54, 58, 65, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt Kpuih S 4 (bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Kpuih S cho UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết.

3. Về xử lý tiền do phạm tội mà có:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015: truy thu của bị cáo Rơ Lan T 500.000 đồng, bị cáo Rơ Lan P 500.000 đồng, Siu Đ 400.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

5. Các vấn đề khác: các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo trình tự P thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của những người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của những người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS; CA;
- TAND tỉnh G;
- Bị cáo; Người BC;
- Bị hại; Người LQ;
- Sở tư pháp;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng